

Ngày: 3 tháng 2 năm 2007

Tên: \_\_\_\_\_

## TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

Việt Nam là chỗ giao lưu của nhiều nền văn minh trên thế giới, do đó cũng là nơi phát triển của nhiều tôn giáo khác nhau. Có bốn tôn giáo chính ở Việt Nam, dù công khai hay âm thầm, vẫn đang hành đạo theo những nghi thức riêng: đó là các đạo Phật, đạo Thiên Chúa, đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo.

**Đạo Phật** truyền sang Việt Nam bằng hai đường: hoặc từ Trung Hoa xuống, thường được gọi là Phật giáo Đại thừa, hoặc từ Ấn Độ qua, gọi là Phật giáo Tiểu thừa. Phật giáo ngày nay tại Việt Nam có số tín đồ rất đông, có thể nói vào khoảng bảy mươi lăm phần trăm dân số.

**Đạo Thiên Chúa** ở Việt Nam có hai giáo hội chính là Giáo hội Công giáo và Giáo hội Tin Lành, cả hai đều thờ Chúa Ky-tô (Jesus Christ). Trung tâm Thiên Chúa giáo đặt tại Vatican, thường được gọi là Tòa Thánh La Mã, do Đức Giáo Hoàng trị vì. Đạo Thiên Chúa ở Việt Nam có khoảng hai triệu rưỡi tín đồ, chia thành nhiều địa phận.

**Đạo Cao Đài** còn có tên là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một tôn giáo có đến hai triệu tín đồ. Đạo chủ trương rằng: Ngọc Hoàng Thượng Đế sinh ra vũ trụ muôn loài, đã ba lần (tam kỳ) đưa người xuống thế để diu dắt chúng sinh (phổ độ). Đạo có bảy chi phái chính, mỗi nơi có tổ chức và nghi thức hành lễ riêng, không hoàn toàn giống nhau. Lớn nhất có Tòa thánh ở Tây Ninh và chi phái ở Bến Tre.

**Đạo Hòa Hảo** thực ra không phải là một tôn giáo mới, đó chỉ là một phái của Phật giáo có thay đổi một số quy tắc về giáo lý, giáo luật và nghi thức hành lễ; cho nên để gọi đúng tên nên gọi là Phật giáo Hòa Hảo, được khai sáng tại làng Hòa Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc. Người sáng lập Phật giáo Hòa Hảo là Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ, sinh ngày 25/11/1919 tại làng Hòa Hảo, tỉnh Châu Đốc.

Ngoài ra người Việt còn có đạo "thờ cúng tổ tiên" bắt nguồn từ giáo lý Khổng-Mạnh, và các đạo khác như **Đạo Ba-Hai**, **Thông Thiên Học**, **đạo Subud**, **đạo Hồi**, **Bà La Môn**, v.v..

### Ngữ vựng:

- \*Giao lưu (exchange): trao đổi lẫn nhau.
- \*Văn minh (civilization): trình độ phát triển đạt một mức độ nhất định của xã hội loài người.
- \*Tôn giáo (religion): đạo, đường lối phải theo do lòng tin hay đức tin.
- \*Công khai (( publicly): mở trước mọi người, không dấu diếm.
- \*Âm thầm (secretly): thâm lặng và kín đáo.
- \*Nghi thức (formality): cách thức làm lễ.
- \*Đại thừa: Phái Phật giáo thịnh hành vào thế kỷ I, II sau Công nguyên, cho rằng có thể giải thoát cho tất cả chúng sinh, cần tùy thời, tùy xứ cải tiến việc tu hành và truyền đạo cho hợp với mọi người.
- \*Tiểu thừa: Phật giáo ở thời kỳ đầu mà những người theo đạo Phật về sau cho là giáo lý rắc rối, không siêu độ được cho số đông người.
- \*Tín đồ (follower of a religion): người theo đạo do đức tin.

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên: \_\_\_\_\_

- \*Đạo Phật: Tôn giáo xuất hiện ở Ấn Độ hồi thế kỷ VI trước Công nguyên, do Thích Ca Mâu Ni sáng lập.
- \*Đạo Thiên Chúa: Phái của đạo Cơ Đốc, có giáo hội, do tòa thánh Vatican điều khiển.
- \*Đạo Tin Lành: môn phái của đạo Cơ Đốc, tách khỏi đạo Thiên Chúa sau cuộc vận động cải cách tôn giáo thế kỷ XVI.
- \*Đạo Cơ Đốc: Tôn giáo thờ Chúa Jesus.
- \*Đức Giáo Hoàng: vị đứng đầu giáo hội đạo Thiên Chúa.
- \*Địa phận (diocese): vùng có nhiều người theo đạo.
- \*Đạo Cao Đài: một tôn giáo thành lập ở Nam Bộ vào những năm trước 1930, muốn dung hòa Khổng giáo, Phật giáo và Thiên Chúa giáo.
- \*Chi phái (branch): nhánh tách riêng từ một đạo lớn.
- \*Khổng giáo: học thuyết đạo đức-chính trị của Khổng Tử, là hệ tư tưởng chính thống ở Trung Quốc suốt thời phong kiến.
- \*Lão giáo: học thuyết của Lão Tử.
- \*Đạo Bà La Môn: Tôn giáo rất xưa, gốc ở Ấn Độ.
- \*Đạo Hồi: Tôn giáo do Mahomet sáng lập đầu tiên ở Ả Rập vào thế kỷ thứ 7.
- \*Giáo lý (dogma): lời răn dạy của đạo.

### Văn phạm:

#### Tính từ sở hữu (Possessive Adjective)

Tiếng Việt không có tính từ chỉ sở hữu như tiếng Anh hay tiếng Pháp. Để chỉ sở hữu, người ta thường dùng **giới từ của** đứng trước **nhân vật đại từ**: của tôi, của anh, của nó, của chúng tôi, của các anh...

Thí dụ: Cuốn sách của tôi là sách Giáo Khoa Việt ngữ lớp Năm. “**Của**” là giới từ, kết hợp nhân vật đại từ **tôi** với danh từ **sách**; **của tôi** là tính từ, cho thông tin về danh từ **cuốn sách**.

### Học thuộc lòng:

Tu đâu cho bằng tu nhà,  
Thờ cha, kính mẹ mới là chân tu.